

Bản án số: **147/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/5/2018

“ *V/v ly hôn và chia tài sản*”.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Cười
2. Ông Dương Thanh Vân

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh*

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền- kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn và chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968, có mặt

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968, có mặt

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Y B, sinh năm 1995, có mặt
2. Nguyễn Thái Q, sinh năm 1991, vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày: Do tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sống hạnh phúc

đến năm 2000 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh không quan tâm gia đình, không phụ chị nuôi con mà bỏ mặc gánh nặng gia đình cho chị gánh vác. Anh thường uống rượu về chưởi xúc phạm danh dự chị, còn đánh đập chị và dùng dao, kéo đâm chém chị phải nhờ các con và hàng xóm ngăn cản, có Công an xã đến lập biên bản xử phạt hành chính. Từ năm 2010 anh ngoại tình, quan hệ bất chính với nhiều phụ nữ đã có gia đình. Chị nhiều lần khuyên nhưng anh không thay đổi. Từ năm 2014 đến nay không còn sống chung, không hàn gắn tình cảm được nên yêu cầu ly hôn.

Có 02 con chung tên Nguyễn Thái Q sinh ngày 05/6/1991 và Nguyễn Thị Y B sinh ngày 20/11/1995, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Tài sản chung, có 01 con bò nái xiêm màu vàng trị giá 16.000.000 đồng, đã thỏa thuận giao anh T sở hữu bò, anh T có nghĩa vụ giao lại chị  $\frac{1}{2}$  giá trị con bò là 8.000.000 đồng, đã thực hiện xong. Ngoài ra tài sản chung có 01 căn nhà kiên cố và các thửa đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện G, cụ thể: thửa 2006 diện tích 1.307m<sup>2</sup> đất ở và cây hàng năm, thửa 3114 diện tích 195m<sup>2</sup> đất cây hàng năm, thửa 226 diện tích 2223,3 m<sup>2</sup> đất lúa yêu cầu phân chia nhà và đất. Đến ngày 13 tháng 3 năm 2018 có đơn yêu cầu không phân chia nhà và đất để vợ chồng và các con tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

Trong quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Về hôn nhân, tài sản chung và con chung thống nhất như chị trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị sống không có tình cảm với anh, nên anh có quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, những khi cự cãi, anh nóng giận có đánh như chị trình bày. Từ năm 2014 đến nay không sống chung, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không muốn ly hôn vì các con đã lớn.

Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu. Về tài sản, thống nhất giá trị con bò nái xiêm màu vàng là 16.000.000 đồng. Yêu cầu được sở hữu con bò, anh đã giao số tiền  $\frac{1}{2}$  giá trị con bò là 8.000.000 đồng cho chị nhận trước ngày ra tòa xét xử 01 tuần. Thống nhất yêu cầu của chị và các con không yêu cầu phân chia nhà và đất, để vợ chồng và các con tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp khởi kiện sau.

Trong quá trình xét xử chị Nguyễn Thị Y B trình bày: Thống nhất không yêu cầu phân chia tài sản nhà và đất, chị cũng không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thái Q có đơn xin vắng, không yêu cầu gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Các con trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản, giao anh T được quản lý, sử dụng con bò nái xiêm, anh T có nghĩa vụ giao lại chị L số tiền 8.000.000 đồng (giá trị  $\frac{1}{2}$  con bò), anh T đã giao tiền xong. Đình

chỉ một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[1] Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có tổ chức cưới, chung sống vợ chồng từ năm 1989, có con chung và tài sản chung. Chị L cung cấp chứng cứ là bản chính Giấy khai đăng ký kết hôn ngày 19/4/1989 tại UBND xã T, huyện G (Bút lục 03). Tuy nhiên, theo xác nhận ngày 13/4/2016 của UBND xã T, huyện G: “Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn T sinh năm 1968 cùng ngụ ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang chung sống từ năm 1989 cho đến nay nhưng không có bộ lưu sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã T” (Bút lục 07). Đồng thời UBND xã T, huyện G xác nhận ngày 13/4/2016 có nội dung: ông Nguyễn Văn T sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Như vậy theo tài liệu xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên không được pháp luật công nhận. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung, ghi nhận anh chị có 02 con chung như trình bày trên.

[3] Về tài sản chung, ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị L về việc anh T được sở hữu 01 con bò nái xiêm màu vàng hiện anh đang quản lý; Đồng thời anh T có nghĩa vụ giao lại chị L  $\frac{1}{2}$  giá trị con bò là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) đã thực hiện xong. Các đương sự đã thống nhất không yêu cầu phân chia nhà và đất nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

Án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Anh T, chị L mỗi người phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị phần tài sản được chia.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung Nguyễn Thái Q sinh ngày 05/6/1991 và Nguyễn Thị Y B sinh ngày 20/11/1995.

3. Về tài sản: Ghi nhận anh Nguyễn Văn T được sở hữu 01 con bò nái xiêm màu vàng hiện anh đang quản lý. Anh T đã giao chị Nguyễn Thị L nhận số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) giá trị ½ con bò.

Ghi nhận các đương sự không yêu cầu phân chia tài sản là nhà và đất.

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.269.000 đồng theo biên lai thu số 45091 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại chị L số tiền 769.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

**Trần Văn Dũng**